TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.
Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Khắc Tuấn.
2. Bà Nguyễn Thị Minh Huấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 177/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc P1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Tiến A, xã T1, TP. P, Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Hồ Văn C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Tiến H, xã T, TP. P, Bình Thuận.

Bà P1 có mặt , ông C có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2021, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc P1 và ông Hồ Văn C quen biết, tự tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố P vào ngày 17/12/2012. Sau khi kết hôn bà P1, ông C chung sống với nhau tại thôn T, thành phố P, tuy nhiên vợ chồng không hợp nhau; bất đồng nhiều quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đến nay vợ chồng bà vẫn chưa có con chung nên bất hòa giữa ông, bà ngày càng lớn. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 và bà đã về nhà mẹ ruột của bà ở Thôn Tiến A, xã T1, thành phố P sinh sống, giữa bà và ông C không còn liên lạc với nhau, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau. Bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà đã hết tình cảm với ông C nên đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Bà xác định bà và ông C không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc P1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/5/2021 và đơn xin vắng mặt ngày 25/6/2021, ông Hồ Văn C trình bày ông và bà Nguyễn Thị Ngọc P1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2012 tại UBND xã T, thành phố P. Qúa trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ông đã sống ly thân; bà P1 đã về nhà mẹ ruột của bà P1 sinh sống từ tháng 6/2020 đến nay. Vợ chồng ông đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai, vợ chồng ông đã hết tình cảm với nhau nên ông đồng ý ly hôn với bà P1.

Theo biên bản xác minh ngày 21/6/2021 tại địa phương nơi bị đơn cư trú, Thôn trưởng Thôn Tiến H, xã T, thành phố P cung cấp thông tin về quan hệ hôn nhân giữa bà P1, ông C thì chưa xảy ra mâu thuẫn nào mà địa phương phải can thiệp xử lý. Tuy nhiên, từ khoảng cuối năm 2020 đến nay bà P1 đã không còn chung sống với ông C ở địa phương, bà P1 đi đâu địa phương không rõ.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà P1 được ly hôn ông C. Về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: bà P1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P1 khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn ông Hồ Văn C được Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận thụ lý giải quyết. Do vậy, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở Thôn Tiến H, xã T, thành phố P. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Hồ Văn C được Tòa án tống đạt hợp lệ, ông Hồ Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc P1 và ông Hồ Văn C có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố P theo số 78/2012 quyển số 02/2010 ngày 17/12/2012. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Qúa trình chung sống giữa vợ chồng bà P1, ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, bà P1 xác định bà đã không còn tình cảm với ông C. Thực tế từ khoảng cuối năm 2020 đến nay ông, bà đã không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm trao đổi với nhau, đời sống chung của vợ chồng không còn tồn tại. Bà P1 và ông C đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay, mỗi người một nơi, mạnh ai nấy sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập các đương sự đến để hòa giải; tuy nhiên ông C có đơn xin không tham gia hòa giải, khẳng định Tòa án có hòa giải thì vợ chồng ông cũng không đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã kéo dài một thời gian nhưng không hòa giải được chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục. Cả ông C và bà P1 đều đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình; bà P1 yêu cầu được ly hôn với ông C; ông C cũng không có mong muốn đoàn tụ và đồng ý ly hôn với bà P1. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà P1 được ly hôn với ông C là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: ông, bà khai không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ông bà khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy đinh tai khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị Ngọc P1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc P1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc P1 được ly hôn với ông Hồ Văn C.

Về con chung: ông, bà khai không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông, bà khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc P1 phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Ngọc P1 đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003882 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P. Bà Nguyễn Thị Ngọc P1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/7/2021). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND TP. P;
-Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
-UBND xã T, TP. P;
-Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy Tiên